

# Nước Bại Theo Một Người, Ngô Đình Diệm

Hồ Sỹ Khuê

Trích từ "Lịch trình Hình thành và Giải thể của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam"  
(Văn Nghệ, USA, 1992)

Cựu Hoàng Bảo Đại: "Ngô Đình Diệm hôn tay quy phục sứ thần Vatican"

LGT- Tác giả Hồ Sỹ Khuê là một trong những "mưu sĩ" của hai ông Diệm Nhu không nằm trong Nhóm "Tinh Thần" (Trần Văn Đổ, Nguyễn Tăng Nguyên, Lê Quang Luật, ...). và đã từng đóng góp một phần vào chánh sách trị nước của ông Diệm trong giai đoạn thành hình của Đệ Nhất Cộng hòa.

Sau 1954, Ông trình bày với hai ông Diệm Nhu một quốc sách dựa vào sức mạnh của lòng dân "Nam kỳ" để xây dựng chiến lược đối phó với phương Bắc. Hai ông Diệm Nhu không nghe, lại dùng "kiêu dân Công giáo" di cư làm chủ lực, gây phân hóa cho miền Nam trên cả ba tuyến Địa phương, Tôn giáo, và Chính trị. Sau đó, tuy được mời tham chánh, ông từ chối và trở về dạy học tại trường Jean Jacques Rousseau (Lê Quý Đôn sau này) và trở thành người "quan sát thời cuộc".

Năm 1992, tại Pháp, với tư cách là chứng nhân và tác nhân thời cuộc, ông viết cuốn "Ngô Đình Diệm và Hồ Chí Minh - Lịch trình Hình thành và Giải thể của Mặt trận Giải phóng Miền Nam" (Văn Nghệ xuất bản, USA, 1992) để trình bày luận điểm lịch sử của ông và thất bại của chế độ Diệm trong giai đoạn lịch sử này.

Dưới đây là một trích đoạn ...

## Một Chế Độ Toàn Quyền

Người viết nắm giữ được một số tài liệu liên hệ đến thời điểm khai sinh chính quyền Ngô Đình Diệm, rơi rãi sau ngày lễ Các Thánh 1963. Theo các tài liệu này, có thể nêu lên một số sự kiện ý nghĩa:

- Trước tháng 7 năm 1954, khi Bảo Đại chịu áp lực phải đưa Ngô Đình Diệm ra cầm quyền ở miền Nam, và theo yêu cầu của ông Diệm, một người miền Trung am hiểu "Nam kỳ" đã soạn cho ông Diệm một tường trình tình hình chính trị Sài Gòn, thực trạng và sức nặng chính trị của các giáo phái vùng Đồng Nai, Cửu Long. Kết luận bản tường trình này là đừng nhận thức các giáo phái theo quan điểm tôn giáo, mà phải nhìn ảnh hưởng chính trị của họ trong lòng quần chúng "Nam kỳ". Phải nương theo ảnh hưởng ấy mà đi vào lòng quần chúng "Nam kỳ", nhất thiết không nên để các giáo phái trở thành đối nghịch. Càng không nên tìm cách chia rẽ giáo phái và quần chúng ấy, để không gây kẽ hở tạo cơ hội cho Cộng Sản chen vào.
- Tháng 12 năm 1954, khi Chính phủ Sài Gòn thu hồi dinh Độc Lập người Pháp vừa giao lại, Ngô Đình Nhu có mời một số người trước đây có thiện cảm với ông Diệm, nhưng vì lí do này khác, đứng ngoài vòng không muốn cộng tác với chế độ Diệm. Có người đã nói đến chuyện "tội tổ tông" của chế độ mới và đặt vấn đề hóa giải, nếu muốn miền Nam thoát khỏi ách Cộng Sản. Tóm tắt đề nghị ấy là: khi người "Nam kỳ" không giữ quyền lãnh đạo chính trị, phải chia quyền lãnh đạo ấy với họ, đưa họ vào các trung tâm quyết định của nhà nước, của quốc gia, đặt họ trước trách nhiệm cứu nước. Ông Diệm chỉ nên giữ vai trò đảm bảo cho các chính quyền miền Nam dân chủ và tự do, không Cộng Sản.

Nhưng con người khó thoát khỏi bản chất cố hữu của mình. Ngô Đình Diệm không lột được xác quan lại cũ để vươn lên hàng một chính khách đúng mức đáp ứng các vấn đề Việt Nam lúc bấy giờ. Lại càng không đóng nổi vai trò lãnh đạo trong hoàn cảnh phức tạp, tế nhị bên trong cũng như bên ngoài đất nước. Cho nên Ông không xây dựng một chế độ chính trị mà chỉ thiết lập một chế độ cai trị, hành chánh. Một chế độ "toàn quyền" miền Nam, hết như chế độ Toàn quyền Đông Dương cũ của người Pháp. Nhà nước Sài Gòn chỉ là một tổ chức quyền lực ghép lên dân chúng trong cối, như ván ghép ghép vào gỗ. Hành chánh để cai trị dân thì có. Dùng luật pháp để bảo vệ trật tự trên cơ sở một tổ chức công an cảnh sát giàu phương tiện và bất chấp nhân tình. Các ông huyện Tây học cũ của triều đình Huế được tận dụng, người thì đi các tỉnh lo việc củng cố thể lực còn mong manh của lãnh tụ, người thì ở thủ đô, rập theo khuôn sáo miền Bắc Cộng Sản, tổ chức liên gia, tổ cộng, hòng kiểm soát dân chúng.

Nhưng chính trị thì không! Vì coi nhẹ việc dung hợp nhân dân, ngờ vực dân Đồng Nai Bến Nghé. Cho nên ông

Diệm chỉ chọn lọc kỹ lớp khuyến mã người Nam gọi dạ bảo vâng, rồi tự mãn là dành nhiều địa vị cho người “Nam kỳ” đúng theo sự đòi hỏi của tình thế. Quan trọng hơn cả là việc đối xử với thành phần cự kháng chiến chống Pháp quay về thành. Năm 1949, **nhóm Tinh Thần** gồm một số trí thức Sài Gòn ủng hộ Ngô Đình Diệm, đã **cưỡng ông Diệm chấp nhận một số tuyên cáo cam kết với anh em kháng chiến sẽ dành cho họ một địa vị, một phần trách nhiệm đúng mức, khi họ trở về với chính thể quốc gia độc lập về sau**. Năm năm sau, quả ông Diệm lên cầm quyền, và anh em kháng chiến trở về thành đã chịu nhiều điều đúng trong cái chế độ cảnh sát trị của ông. (Đồng bào đang ở Pháp có thể tìm gặp Trần Văn Đỗ, một thành viên của nhóm Tinh Thần, để xác minh sự kiện). **Những hy vọng ban đầu của người miền Nam dần dà tan biến**. Chính từ đó người trong nước mới bắt đầu ý thức về cái “tội tổ tông” của chế độ Sài Gòn, một chế độ “toàn quyền” có tính cách thống trị mà họ không thể nhìn nhận được. Một chế độ họ không muốn chấp nhận, sống trong đó họ chịu nhiều tai ương, nên **để mang tâm lý ly khai**. Đây là thời kỳ đảng Cộng Sản tích cực ly gián nhân dân và chính quyền. Tuy vậy, người miền Nam cho là mình ở vào cảnh “trên đe dưới búa”, **tới dở lui cũng dở**, mà thôi, **Cộng Sản chưa lôi cuốn được**.

Có nhận ra tâm lý ấy mới hiểu sức mạnh của phong trào Phật giáo vào các năm 60, lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm. Sức mạnh của một quần chúng muốn thoát khỏi cảnh trên đe dưới búa, cảnh phải chọn lựa giữa Cộng Sản và Ngô Đình Diệm. Quần chúng ấy đã hội tụ trong phong trào Phật giáo. Tuy thế, đã có ly cách giữa chính quyền và quần chúng Nam bộ, là có chỗ cho Cộng Sản khuấy động, làm âm ỉ chuyện Phú lợi, chuyện Ấp Bắc, chuyện Đồng Khởi, **một nói thành mười, thành trăm, rồi nhân đó mà cho Mặt Trận xuất hiện công khai năm 1960. Chứ thật tình thời cuộc lúc này chẳng có chi mà sôi động bất thường, và cũng không hề có một phong trào đi bưng ào ạt để thành hàng ngũ cho Mặt Trận**. Sức mạnh duy nhất lúc bấy giờ là Phật giáo, không phải là Cộng Sản nép sau Mặt Trận. Bằng cứ là trong tình hình chế độ Sài Gòn sụp đổ đang chông chênh, đảng Cộng Sản không thừa cơ hội mà thao túng nổi.

## Tình Hình Miền Nam Năm 1960

Để thi hành hiệp định Genève, hai miền Nam Bắc phân định và được các cường quốc chính thức đảm bảo. Kể đến, việc trưng cầu dân ý để **thống nhất năm 1956** bị hủy bỏ. Chế độ hai miền đối nghịch nhau nhưng đều có căn bản pháp lý vững vàng. Công cuộc tập kết hai bên đã thực hiện khá tốt, mỗi bên đều bận bịu nhiều, trước hết, vào việc tổ chức cơ cấu nhà nước, xây dựng chế độ riêng, tuyên truyền cho đường lối của mình, kết hợp quần chúng hòng thiết lập quốc gia, giải quyết các nhu cầu cấp thiết của mỗi miền. Trong hoàn cảnh ấy, và khi hiệp định đã chấm dứt chiến tranh, súng đạn đã im tiếng, thì các hậu ý bên này hay bên kia về một cuộc tranh chấp bằng vũ lực tạm thời phải dẹp sang một bên dành ưu tiên cho việc củng cố nền tảng của chế độ. Cho nên, hòa bình đã tái lập cứ thế mà kéo dài. Và **có thể nói là suốt chín năm chế độ Đệ Nhất Cộng Hòa, miền Nam đã sống thanh bình, quần chúng miền Nam dành công sức để xây dựng lại đời sống của mình, trong không khí thanh bình ấy, ở các đô thị cũng như ở thôn quê.**

## Quần Chúng Miền Nam

Nói đến quần chúng miền Nam lúc bấy giờ, là nói đến một hỗn hợp phức tạp. Thành phần đông đảo hơn cả là người “Nam kỳ”. Những người đang sống trên chính đất gốc của mình, đất “Nam kỳ”, từ nay trở thành nền tảng lãnh thổ quốc gia: **65%** dân số. Tương lai của quốc gia từ vĩ tuyến 17 đổ xuống **tất nhiên tùy thuộc vào đất “Nam kỳ” và vào người “Nam kỳ”**. Đất phì nhiêu đủ nuôi ăn cả nước. Người có mức độ văn hóa, chuyên nghiệp cao hơn nơi khác. Gồm sẵn một số cơ sở thương nghiệp, kỹ nghệ có thể làm bước đầu cho việc phát triển kinh tế lúc bấy giờ là một ưu tiên.

**30% dân số khác của miền Nam gồm người đất “Trung kỳ” bên dưới vĩ tuyến 17**. Chặt vật nhiều xưa nay, nhưng vẫn không khỏi phải nhờ đến lúa gạo “Nam kỳ” để có thể giáp mùa hàng năm.

**Thành phần còn lại, 5%, là đồng bào Bắc Việt di cư**. Và một số vài ngàn người, từ Bắc từ Trung, theo nhân vật lãnh đạo vào Nam thiết lập chế độ mới. Gồm quan lại, công chức cũ, cùng tập đoàn tay chân, sớm có muợn có, **đã quay quần dưới trướng ông Ngô Đình Diệm**, lấy thành phần di cư làm căn bản quần chúng, lấy tay chân làm nòng cốt cho chế độ Cộng Hòa.

## Tương Quan Giữa Chế Độ Và Quần Chúng

Ngô Đình Diệm thiết lập chế độ của mình trên những thành phần nhân dân phức tạp như vậy mà nhất đán không gặp một khó khăn nào từ quần chúng. Những khó khăn buổi đầu ông đã vấp phải đều do nguồn gốc tương tranh quyền lợi giữa ông và các thế lực đối đầu với ông (như Bình Xuyên, như Nguyễn Văn Hinh), quần chúng miền Nam nói chung không can dự vào.

Điều đáng nêu lên trước hết, là **tinh thần “Nam kỳ quốc”**, trước kia thường được nhắc đến để dè bieu người Nam, xem như là một trở ngại lớn cho tinh thần thống nhất dân tộc, nay không thấy phát hiện. Tuy điều kiện để nó phát hiện đã có đủ, nhất là khi **quyền binh nằm trong tay một người không phải gốc “Nam kỳ”**. Người “Nam kỳ” không đổ kỵ chút nào với chế độ mới, trong đó họ không được dành một phân quyền lực xứng đáng với tầm quan trọng của họ. Không đổ kỵ chút nào với nhân vật cầm đầu chế độ, **họ chưa hề nghe nói đến tên tuổi, mà nay làm chủ phần đất gốc gác của họ**. Người ta có thể thấy rõ thái độ cởi mở ấy trong cách đồng bào miền Nam tiếp đón đồng bào miền Bắc di cư. Sốt sáng, thân tình. Các khu định cư người Bắc ở Cái Sắn, ở Biên Hòa, được bà con địa phương nâng đỡ, chẳng bao lâu đã trở thành những vùng an sinh phồn thịnh.

**Thái độ tích cực ấy bắt nguồn từ bản chất, từ tính tình của người Nam kỳ.** Đời sống thường dễ dãi, không hề phải lo đói, nên họ có một tâm hồn thật cởi mở, thương người. Tính tình phóng khoáng ấy khiến họ hầu như không có tham vọng quyền bính. Lòng yêu nước thành truyền thống từ thuở Trương Công Định, Nguyễn Trung Trực, Thủ Khoa Huân cần vương, khiến **họ giữ được tinh thần dân tộc** dù trải 80 năm thuộc địa bị tách rời khỏi phần kia của đất nước. Người “Nam kỳ” không có đầu óc phân ly như người Trung, người Bắc thường lo sợ.

Nhưng điều oái oăm là, với chế độ Ngô Đình Diệm, tinh thần phân ly được phát động mạnh mẽ và ngược chiều. Thay vì người “Nam kỳ” phân ly với chế độ cưỡng chế họ dưới quyền một người không cùng gốc, thì chế độ này lại tự phân ly với người “Nam kỳ” bằng chính sách Bắc trị trên đất Nam kỳ. Tính phân ly ngược chiều ấy nằm trong bản chất của chế độ và bản chất của nhân vật cầm quyền, ông Ngô Đình Diệm. Nằm trong bản chất của người cầm quyền chính, vì ông Diệm xem mình như đương nhiên mang một thiên mệnh cứu dân, cứu nước. **Tính khổ tu và óc tôn giáo của ông đã khiến ông nhìn đâu cũng chỉ thấy có tội lỗi.** Càng thấy tội lỗi rõ hơn ở những ai không đứng cùng một phía với ông. Người khác đạo, người khác gốc, người ngoài vòng gia đình, ngoài vòng thân thuộc của ông, người nghĩ khác, nói khác ông, đều có thể là những người tội lỗi. **Quan niệm thiện ác được ông mang áp dụng trọn vẹn và cứng nhắc ở phạm vi quyền chính ông cầm trong tay.** Nhưng thiện hay ác do ông định nghĩa lấy. Thành ra ngò vực là căn bản sinh hoạt chính trị của ông. Coi thường người khác là căn bản trong thái độ đối xử của ông. Cho rằng ai cũng phải thân phục mình, trung thành với mình, tôn thờ mình là căn bản suy tưởng của ông.

Từ bản chất ấy, từ thái độ ngò vực người khác ấy, từ quan niệm thiên mệnh ông mang, ông đã tập hợp rồi dung tủng quanh ông một lớp tay chân và một lớp khuyến mã, đầu đầu giữ gìn thế nào cho khỏi thất sủng, hơn là làm được việc cho ông. Thành ra một thứ triều đình, tách rời chế độ và người cầm đầu chế độ xa lìa quần chúng trong nước. **Mà thành phần chủ yếu của quần chúng này, như nói ở trên, là người “Nam kỳ”**. Phần khác, ưu tư tôn giáo, nhu cầu củng cố thế lực, khiến ông **Diệm xem thành phần Bắc Việt di cư là căn bản chủ yếu của chế độ.** Dùng họ làm lực lượng hậu cần của chế độ, ông Diệm ly khai hẳn với thành phần đa số là người Nam kỳ. Từ tâm lý ly khai ngược chiều ấy, ông đi đến tâm lý kỳ thị người Nam, xem họ không xứng đáng trong cái nhìn “yêu nước” của ông.

## Một Chế Độ Bắc Trị, Gia Đình Trị, và Cảnh Sát Trị

Chế độ được thiết lập cũng mang bản chất phân ly. Nhất thiết **không có một người “Nam kỳ” nào tham dự vào trung tâm quyết định nhà nước**, từ trung ương đến địa phương. Ở thượng tầng, của đáng tội, người Nam, người Trung hay người Bắc đều bị kỳ thị hết. Chẳng có ai chen vào trung tâm quyết định việc nước dành riêng cho các anh em ông Diệm (người trong nước gọi chung là gia đình trị). Nhưng ở các địa phương, **hàng tỉnh trưởng gồm toàn tay chân, thân tín người Bắc, người Trung, không có lấy một người Nam nào** (người trong nước gọi là Bắc trị).

Nhưng tai hại hơn cả là tính phân ly của một thứ chế độ mà bản chất không phải là chính trị mà là cai trị. Vấn đề chính của ông Diệm nằm trong quan niệm phải củng cố rồi nắm vững quyền bính cá nhân của mình để chống Cộng. Chứ không phải xây dựng một miền Nam không Cộng Sản, hưng vượng, phát triển tự do, để làm nổi bật những giá trị văn hóa, xã hội, nhân sự, khiến ai cũng thấy rõ một miền Nam đáng cho người chuộng tự do, chuộng nhân phẩm chọn làm đất sống. Thành ra **chế độ không đặt nặng vấn đề phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, mà đặt nặng vấn đề an ninh**. Vấn đề chính của ông Diệm là cai trị, không phải là chính trị. Từ bản chất ấy, nền móng của chế độ là tổ chức công an, mật vụ. Chi chít đến nỗi các anh em của ông mỗi người đều có riêng một tổ chức mật vụ hoạt động cho chủ mình, bất chấp luật pháp (người trong nước gọi là cảnh sát trị).

**Ghép lên tính phân ly của chế độ, của người lãnh đạo, dần dà có thái độ phân ly của các bộ hạ tay chân. Nhất là ở các địa phương.** Từ đó **nạn cường hào ác bá** trở nên một tệ nạn cuối cùng tách hẳn quần chúng “Nam kỳ” khỏi chính quyền. **Ưu tư của nhân dân và ưu tư của chính quyền từ đó trở nên trái ngược** với nhau, vấn đề của nhân dân không phải là vấn đề của nhà nước, và ngược lại. Lợi cho chế độ là hại cho dân, hại cho chế độ là lợi cho dân. Sau cùng, đó là tâm lý thấy được của người “Nam kỳ” trong các biến cố khuynh đảo chế độ Ngô Đình Diệm các năm 1960 đến 1963. Cảnh hoạn lạc của nhân dân miền Nam ngày lễ Các Thánh năm 1963 biểu hiện rõ rệt sự phân cách hoàn toàn giữa chế độ ông Diệm và quần chúng “Nam kỳ”.

Cái chết của ông Diệm, ông Nhu là nỗi vui chung của cả nước, vui đúng, vui sai lại là chuyện khác. Tình trạng phân ly giữa chính quyền và nhân dân ấy đã **tao thời điểm cho phe Cộng Sản đưa Mặt trận ra ánh sáng năm 1960.**

## **Ngô Đình Diệm Đánh Mất Dân Miền Nam.**

### **Phân Cách Giữa Chế Độ Và Nhân Dân Miền Nam (Trước 1975)**

Hiệp định Genève, mang chữ ký các cường quốc, đảm bảo cơ sở quốc tế công pháp của Sài Gòn, đối diện với Hà Nội. Chính quyền còn phải được thiết lập, trên căn bản nhân vật lãnh đạo là người mới muốn dứt khoát với thực trạng cũ mình không dự phần. Nhằm mở một kỷ nguyên khác theo nguyện vọng chung trong nước. Mọi việc phải bắt đầu lại trong một bầu không khí vừa phấn khởi, vừa thiếu ổn định, của một xã hội từ chiến tranh đi vào hòa bình. Tình huống nhân dân còn lẩn lộn, phức tạp, tâm trạng mọi người chưa lắng đọng kịp. Mục tiêu dài hạn: xây dựng miền Nam không Cộng Sản thành một quốc gia phát triển vững mạnh, tự do, dân chủ, có đủ giá trị hấp dẫn, chờ ngày thống nhất.

Ngô Đình Diệm, sau gần năm năm sống ở ngoài, về nước cầm quyền tháng 7-1954 trong hoàn cảnh nói trên. Với nhiều lẽ thuận, nhiều lẽ nghịch, chủ quan có, khách quan có. Phải nhận ra trước, để hiểu các sự việc về sau làm sụp đổ miền Nam.

#### **1- Lẽ thuận: Hậu thuẫn quốc tế và quần chúng trong nước.**

##### **A. Quốc tế:**

- Sức ủng hộ của Hoa Kỳ, dựa trên thế lực Công giáo ở Mỹ, và của thế giới tự do. Nhiều hứa hẹn viện trợ kinh tế, để phát triển (chương trình Colombo, cơ quan USAID), viện trợ kỹ thuật, viện trợ quân sự, để phòng thủ (tổ chức Liên phòng Đông Nam Á SEATO).
- Pháp từ bỏ quyền bá chủ Việt Nam. Quân đội Pháp trú đóng chỉ giữ nhiệm vụ trật tự thi hành hiệp định, sớm muộn phải rút. Ba Lê mong giải kết duyên nợ thuộc địa một cách thuận lợi, hòng mưu cầu lợi ích kinh tế lâu dài sau đó.
- Các nước Đông Nam Á, nhất là **Cao Mên và Lào, đang lo ngại đà tiến của Cộng Sản, xem miền Nam như một tiền đồn, sẵn sàng ủng hộ một cách kín đáo.**

- Chiến tranh ngụy chia thế giới thành hai khối: Cộng Sản và dân chủ tự do. Khối các nước tự do chờ những kết quả sơ khởi của Sài Gòn để ủng hộ và giúp đỡ cụ thể.

## B. Nội Bộ:

- Ngô Đình Diệm là người mới, không dính líu trong chế độ Quốc trưởng. Lại được tiếng là yêu nước, đạo đức, liêm khiết, các đức tính thời thượng lúc bấy giờ.

- Trong địa vị Thủ tướng, được toàn quyền hành động, không chịu chỉ thị, không có kiểm soát của Bảo Đại. Một năm sau làm Tổng thống.

- Đất nước đi vào Hòa bình, nhân dân náo nức, lạc quan. Ông Diệm **không phải là người có công mang lại hòa bình, nhưng được hưởng cái lợi** tâm lý do hoàn cảnh ấy tạo nên.

- Cuộc di tản vĩ đại của một triệu đồng bào miền Bắc, bỏ mồ mả quê hương, vào Nam tránh nạn Cộng Sản, chọn lựa miền Nam quốc gia theo ông.

## 2. Lẽ Nghịch: Một thế giới thiên vị và mù quáng.

### A. Quốc tế:

- Miền Nam là đối tượng bành trướng của quốc tế Cộng Sản, sau Trung Quốc (1949) và sau miền Bắc Việt Nam (1954). **Chiến lược và mưu đồ xích hóa thế giới thúc việc thôn tính miền Nam đến cùng. Nhiệm vụ tiền phương thuộc phần Hà Nội. Một nhiệm vụ quốc tế, hoàn toàn không phải là một nhiệm vụ dân tộc.** Song song, Bắc Kinh giữ nhiệm vụ hậu cần. Đầu não là Mạc Tư Khoa.

Thành ra, giữa Mỹ và Sài Gòn, quan hệ chỉ có tính cách viện trợ phương tiện, ủng hộ tinh thần, để bảo vệ tự do cho một quốc gia nhỏ, trong mức độ tán đồng của dư luận nội bộ Hoa Kỳ. Mà dư luận một nước dân chủ thì lại dễ giao động đến có thể xoay ngược chiều. Việc ủng hộ và viện trợ không thể vô giới hạn, cũng không thể kéo dài mãi được, nếu không đạt kết quả sớm. Hiệp định Ba Lê 1973 là một minh chứng. Chính dư luận Mỹ đã buột Hoa Thịnh Đốn bỏ rơi Sài Gòn.

**Trái ngược hẳn lại, giữa Liên Xô và Hà Nội, quan hệ là chuyện phân chia công tác và nhiệm vụ nhằm một cứu cánh chung: xích hóa thế giới. Hà Nội đứng ở tuyến đầu. Bắc Kinh tuyến hậu. Mạc Tư Khoa là trung tâm chỉ đạo và lãnh đạo.** Cho nên không phải là chuyện viện trợ và ủng hộ. Mà là chuyện bành trướng của khối Cộng Sản thế giới. **Nhiệm vụ này trường kỳ.** Thế giới từng bước một phải rơi vào tay Mạc Tư Khoa, nhân danh cách mạng vô sản. Không giới hạn phương tiện về công sức, về của cải. Không giới hạn về nhân mạng, về tai ương của chiến tranh. Cho nên không có chuyện Mạc Tư Khoa bỏ rơi Hà Nội vì lẽ này hay lẽ khác, như Hoa Thịnh Đốn đã bỏ rơi Sài Gòn vì quân đội Mỹ thiệt hại nhiều.

**Nói cho cùng: Sài Gòn khác. Hoa Thịnh Đốn khác. Nhất đán vì quyền lợi chung có thể đi với nhau, nhưng vẫn là hai. Mạc Tư Khoa và Hà Nội lại chỉ là một. Trong vấn đề Nam Việt Nam.** Như thế, Sài Gòn không phải chỉ đương đầu với Hà Nội, mà thực sự phải đương đầu với toàn khối Cộng Sản, không những với Mạc Tư Khoa mà còn cả với Trung Hoa, với Đông Âu.

- Trong khối các nước dân chủ Tây phương, **khái niệm cách mạng thế giới chống tư bản chủ nghĩa đang hồi thời thượng. Giới trí thức, nhất là tả phái, bị mê hoặc** theo những giá trị họ ngưỡng mộ là cách mạng, sẽ thay đổi được thế giới, thay đổi được con người, tranh nhau **tán dương Cộng Sản, tâng bốc Liên Xô** là thiên đường hạ giới. Jean Paul Sartre đã không ngần ngại tuyên bố: "*Chỉ có là chó mới chống Cộng*". Vì thế, trong vấn đề Việt Nam, họ luôn luôn **về hòa với Hà Nội.** Solzhenitsyne chưa sang Tây Âu, ảnh hưởng của họ có tính cách thời thượng, làm thiệt hại nhiều cho miền Nam khi muốn vận động dư luận quốc tế, vận động ngoại giao, để bênh vực cái thế của mình. Đến cả tướng **De Gaulle**, trong tuyên ngôn ở Nam Vang của ông, trên đường công du thuộc địa Nouvelle Calédonie, **lên án Mỹ can thiệp vào Việt Nam**, cũng đã có một ảnh hưởng thật tai hại cho Sài Gòn. Tuyên ngôn của ông đã được xem là một trong các yếu tố đưa đến thất bại của Hoa Kỳ ở miền Nam.

- Các nước Đông Nam Á chưa đạt đến mức phát triển khả quan, nên tổ chức ASEAN chưa hình thành được như hiện nay để có một tiếng nói chung bên vực Sài Gòn, mà thế giới không thể không chú ý đến được.
- Các nước trong thế giới đệ tam, **tuy gọi là trung lập nhưng lại thiên Hà Nội** vì muốn gần Liên Xô.
- **Ông Diệm thù người Pháp** nên không biết lợi dụng việc họ có mặt và ảnh hưởng ở miền Nam, như quân đội Nhật đã làm từ 1941 đến 1945, như ông Hồ Chí Minh đã làm từ 1945 đến 1946.

## B. Nội Bộ:

- Tội tổ tông của chế độ Ngô Đình Diệm: Miền Nam chỉ là đất Nam kỳ mở rộng, **ông Diệm không phải gốc Nam kỳ và người Nam kỳ không biết ông Diệm** mà chỉ nghe đồn về ông mà thôi.

### Mắt tiêu cực trong con người ông Diệm.

#### 1. Thiếu tầm vóc:

**Không có đủ tầm vóc một lãnh tụ quốc gia, một chính khách quốc tế.** Vì học thức giới hạn, kiến thức thiếu sót, nên không am hiểu đến nơi các biến chuyển lớn trong thế giới, sau thế chiến thứ hai; không nhìn rõ được các vấn đề đất nước, trong thời điểm thiếu ổn định về mọi mặt sinh hoạt xã hội lúc bấy giờ, khi hòa bình trở về và đất nước qua phân. Thành ra không phân biệt được vấn đề chính, vấn đề phụ, và định sai thứ tự ưu tiên các công việc phải làm.

#### 2. Nhân sinh quan hẹp hòi:

Ông Diệm trọng đạo đức, thuần thành về tín ngưỡng. Đau đầu lo giữ mình đến nỗi quên người, nên **sợ kẻ khác làm hỏng việc mình**. Thành ra **không giám tin ai và thường ngờ vực tất cả**, hóa ra người lãnh đạo mà rất quả giao. Lẫn lộn tốt, xấu, theo đạo đức bình thường, với điều hay, dở, trong hành động nhà nước. Cuối cùng đi đến **độc tôn, độc đoán**, mình cho là phải mình cho là trái đều là phải, là trái, không ai cãi được. Nên không chịu nổi ai nói khác mình, **không chấp nhận đối lập**.

#### 3. Không dám tin người:

Thung dung được với người thân tín sẵn, mà lúng túng với người chưa quen. Thành ra chỉ biết có anh em, thân quyến trong gia đình, chỉ gần tay chân bộ hạ. Khi lên cầm quyền, trong vấn đề dùng người, chỉ chọn kẻ chịu làm tay sai, không chọn người cộng tác ngang hàng.

#### 4. Quan liêu gia đình:

Gia đình và thủ túc nhiều tham vọng quyền lực, quyền lợi. Từ Trung, từ Bắc vào, làm thêm nặng cái tội tổ tông của chính quyền Diệm.

#### 5. Xung khắc về bản chất giữa ông Diệm và dân Nam kỳ:

Nam kỳ dưới chế độ thuộc địa trực trị có luật pháp rõ ràng, nên được đảm bảo ít nhiều tự do. Nay kháng chiến thành công, **dân tại chỗ đòi dân chủ**, không sẵn sàng chấp nhận một nhà nước câu thúc quá đáng. Ông Diệm, **xuất thân là đại thần triều đình Huế cũ, cá tính con người ông không để cho ông sử dụng quyền bính cách khác hơn là quan liêu**, lệnh từ trên ban xuống, không có đối thoại, trao đổi với ai.

Người Nam kỳ tính phóng khoáng, cởi mở, cả tin, không có tham vọng quyền bính, không bận tâm chính trị mấy. Vì thế, mà sau kinh nghiệm kháng chiến, họ không thích Cộng Sản, nhưng đã từng tranh đấu với nhau, **họ không chống Cộng**. Ông Diệm và tả hữu tay chân lấy việc chống Cộng làm quốc sách, chê người Nam kỳ là ấu trĩ.

## 6. Không biết sử dụng thành quả kháng chiến Dân Tộc:

Thành quả kháng chiến là niềm tự hào của dân Nam kỳ. Nhưng lại là vết hằn trong tâm thức ông Diệm. Quần chúng Nam kỳ kháng chiến theo truyền thống Trương Công Định, Nguyễn Trung Trực, Thủ Khoa Huân v.v... để giải phóng đất nước. Không phải để theo Mác, theo Lênin. Họ xem kẻ thù chính là thực dân Pháp.

## 7. Ông Diệm không tham dự kháng chiến.

Đứng ngoài vòng một thời, và một thời gian sau đó xuất ngoại sang sống ở Hoa Kỳ. Sự kiện lịch sử này có thể giải thích: Kháng chiến do người Cộng Sản lãnh đạo. Quần chúng nhằm mục đích ngắn hạn tranh thủ độc lập, không cần nhìn xa hơn để ngờ vực, Cộng Sản mưu đồ cách mạng vô sản thế giới, không cần chú ý đến mục đích dài hạn của đảng Cộng Sản. Ông Diệm chống Cộng, **kẻ thù chính của dân tộc, trong con mắt ông, là Cộng Sản**. Ông không thể tham dự kháng chiến, không thể tranh đấu dành độc lập chung với Cộng Sản.

- Một phần vì ông không chấp nhận lãnh đạo Cộng Sản trong kháng chiến.
- Phần khác, ông muốn tranh đấu giành độc lập theo một đường lối khác.

Thái độ ông khả kính. Đường lối ông có giá trị. Nehru ở Ấn Độ, Soekarno ở Nam Dương chứng minh nhận xét này. Và có lẽ họ đã mở đường cho ông Diệm. Cho nên, nhất thời, ông không thể để cho phong trào quần chúng trong nước lôi cuốn vào cuộc kháng chiến mà ông biết về sau tất nhiên bị Cộng Sản lợi dụng. Lịch sử sẽ ghi nhận định công của ông là đúng.

Kháng chiến thành công. Pháp phải từ bỏ quyền bá chủ Việt Nam và ông Diệm được đưa lên cầm quyền trên nửa phần phía Nam đất nước. **Trên đó Nam kỳ là địa cư chính và trọng yếu nhất**. Đây là cơ sự tạo một mặc cảm thật tế nhị, thật phức tạp, trong tâm thức con người Ngô Đình Diệm. **Nam kỳ kháng chiến đã phản nào ngược với chủ trương chống Cộng của ông**. Nên ông mặc cảm như phong trào này cũng chống ông. Nay kháng chiến thành công trên mảnh đất Nam kỳ ông trực tiếp tiếp thu kết quả. Trong tiềm thức ông, ông thấy có chi đó bất ổn. Tâm lý tự xem mình là người phi thường khiến ông hóa giải điều bất ổn này một cách sai lạc. Đến chỗ đổ kỵ người Nam kỳ.

## 8. Mặc cảm đổ kỵ người Nam kỳ.

Những người từ nay bị đặt dưới quyền ông, ông Diệm muốn thoát ngoài tình trạng này bằng cách đặt mình lên trên lẽ thường của mọi người. Cách xử sự này hợp với bản tính tự cao tự đại của con người ông. Đưa ông đến việc **cho mình là người mang một sứ mệnh thần thánh cứu dân, cứu nước**, không cần phải theo sát tâm lý, nguyện vọng “thiện cận” của nhân dân. Nhất là nhân dân Nam kỳ, đương nhiên thuộc trách nhiệm lãnh đạo của ông. Tâm lý **tự tôn** để tự ổn này được gia đình ông, tay chân bộ hạ ông cổ súy, phụ họa vào. Cơ sự này đã tạo nên cho ông, cho tả hữu quanh ông, một tâm trạng kẻ cả mà người miền Nam từng biết rõ, và đã tạo ảnh hưởng nặng nề cho tư thế lãnh đạo của ông.

Tâm trạng kẻ cả của ông Diệm, của gia đình và tả hữu ông, đối với dân Nam kỳ, có thể tóm tắt trên vài điểm chính:

- Người Nam kỳ **thiếu ý thức chính trị** (hàm nghĩa: ồ ạt chạy theo Cộng Sản để kháng chiến).
- Người Nam kỳ ấu trĩ về văn hóa. Vụ tờ báo “Tự Do” của Phạm Việt Tuyên nêu nhận định là “Nam kỳ không có văn chương” đã một thời khiến dân Nam kỳ phẫn nộ.
- Người Nam kỳ **đạo đức thấp**. Ông Diệm và thân quyến đã võ đoán như vậy khi thấy xã hội Nam kỳ, dù muốn dù không, cũng chịu ảnh hưởng sinh hoạt của người Tây phương nhiều hơn đồng bào các nơi khác.
- Người Nam kỳ **phản quốc**. Hàm ý họ hết theo Pháp thì theo Cộng. Ngô Đình Nhu đã nói lên lời: “*les Cochinchinois sont des traîtres*” (dân Nam kỳ là phường phản bội) với người viết, ngay tại sảnh đường dinh Độc Lập. Và cũng chính Nhu đã muốn dựng lên Vụ án Tôn Thọ Tường, giao cho một Hội Đồng Nhân Sĩ tay chân tổ chức. Một người hiểu chuyện, đã bảo Nhu: “*Người Nam kỳ từng cùng Phan Văn Trị lên án Tôn Thọ Tường. Tường làm việc cho thực dân 60 năm trước Ngô Đình Diệm là phản quốc, vậy Diệm làm việc cho thực dân 60 năm sau Tường, lại không phải là phản quốc hay sao?*”

Việc làm lố bịch này phải dẹp sớm, nên ít người biết.

## NƯỚC BẠI THEO MỘT NGƯỜI

Chế độ miền Nam do ông Diệm thiết lập, phải đương đầu với các lẽ thuận, lẽ nghịch, được nêu ở phần trên. Và tùy thuộc vào các ưu điểm, khuyết điểm của con người Ngô Đình Diệm. Những công trình nhân sinh cỡ lớn không thể nhất thiết đòi hỏi đủ điều kiện thuận lợi để tiến hành. Ông Diệm đi vào sự nghiệp ông từng mong mỗi thực hiện, trong những **điều kiện nói chung khá tốt**. Tương lai thành hay bại tùy thuộc ông có biết khai triển đúng mức hay không các lẽ thuận, giải tỏa các lẽ nghịch. Tùy thuộc ông biết lợi dụng các ưu điểm của mình, biết khắc phục các khuyết điểm của mình đến một mức hiệu quả. **Ngô Đình Diệm có đủ lẽ để thành công. Tiếc là ông đã thất bại. Đưa đến thất bại chung của miền Nam. Rồi của cả dân tộc.**

**Thời thế có thể tạo anh hùng. Nhưng người lãnh đạo giỏi đập lên thời thế mà tiến thành anh hùng.** Kinh nghiệm đã qua cho thấy ông Diệm không thuộc hạng lãnh đạo ấy. Không phải là một "homme d'Etat".

Từ bài này, người viết sử **dụng tài liệu một người bạn thân, vượt biển, gửi lại vì không mang theo được. Tài liệu ghi nhận những cuộc thảo luận giữa anh ta và anh em ông Diệm, từ sau 1945 cho đến cuối năm 1954**, khi họ bàn về đường lối nên theo, và chính sách phải có, khi ông Diệm nắm được quyền hành. Người viết giữ việc trình bày cho được mạch lạc, không can thiệp vào nội dung tài liệu. Để bạn đọc có thể thấy có người đã đề nghị với ông Diệm một đường lối lãnh đạo, một chính sách cầm quyền khác những gì anh em ông đã làm, nhưng lại đúng theo những gì ông Diệm đã tiên tri và tiên liệu sẽ làm.

.....

## BA ĐIỀU BẤT HẠNH CHO ĐẠI CUỘC VIỆT NAM

### 1. Bất hạnh trong việc giải phóng đất nước khỏi bàn tay ngoại bang.

Ông Diệm ở hải ngoại năm năm. Kéo dài đến bốn năm trên đất Mỹ, sau đó mới sang Âu Châu, ở Pháp và ở Bỉ. Ngoài ra, ông không đặt chân lên một nước nào khác. Nhất là một nước Á Châu. Ở Hoa Kỳ, ông **quanh quẩn trong bóng tối thanh tú của các nhà dòng Công giáo. Sang Pháp, sang Bỉ cũng thế**. Ông không dấn thân hoạt động đánh vào dư luận các nơi, không liên lạc, giao thiệp với các chính khách quốc tế, không gần gũi vận động kiều bào. **Ông dành công việc chính ông phải làm lấy cho các bào đệ Nhu, Luyện của ông**. Họa hoạn, nhờ có nhà dòng mọc nối, ông giao thiệp với một hai nhân vật Mỹ rất hiếm hoi, cỡ Hồng Y Spellman, cỡ Thượng nghị sĩ Mansfield.

**Tên tuổi ông, báo chí quốc tế không thấy nhắc đến. Tiếng tăm ông chẳng vang dội một nơi nào**. Ông không hề xuất hiện trước dư luận thế giới. Như Gandhi, Nehru, Sukarno đã từng làm, khi họ còn phải tranh đấu cho độc lập của xứ sở họ. Thành ra khi người Mỹ dùng áp lực đưa ông lên cầm quyền, thế giới **không biết ông là ai, không thấy ông có tầm vóc nào đáng kể, nên xem ông chỉ là một lá bài của Hoa Kỳ**. Người trong nước, nhất là dân Nam Kỳ, trừ những người hiếm hoi biết ông trước kia là một vị Thượng thư trẻ tuổi của triều đình Huế, **chống Pháp mà từ chức**, đa số không biết ông là ai, chưa hề nghe nói đến ông. Chỉ thấy có người Mỹ đưa ông lên. Không trách được người trong nước, người nước ngoài, xem ông là "một con cò của Mỹ". Điều ông không hề muốn, nhưng lại là lỗi của ông. Đúng hơn, điều đó biểu thị sự bất tài của ông. **Và nhất là điều bất hạnh cho đại cuộc miền Nam.**

Đại cuộc lúc này là việc giải phóng đất nước khỏi tay ngoại bang. Nhất đán xuất hiện là một "lá bài Mỹ", đè nặng lên tương lai của chế độ. Tuy vậy, điều bất hạnh này chưa có ảnh hưởng ngay. **Bởi lẽ, khi đã chia cắt, miền Nam thấy cần có một cường quốc giúp đỡ, nhất là Hoa Kỳ, để quân bình với miền Bắc, có Liên Xô và Trung Quốc đứng sau.** Miền Nam không thể tồn tại được, nếu đứng lẻ. Thành ra, dù sao, ông Diệm cũng biểu hiện cho một hy vọng. Thêm vào đó, ông không có tai tiếng chi, nhờ đứng ngoài thời cuộc từ trước. Dư luận miền Nam mặc nhiên chấp nhận ông. Chỉ mong ông đừng để miền Nam trở thành phụ dung của Mỹ, mà chỉ là thân Mỹ.

### 2. Bất hạnh thiếu tài lượng đồng

Ông Diệm biết mình có thể lên cầm quyền, **ba tháng trước(?) Ông lên cầm quyền ngày 7-7-54. Ngày 21-7-54 (?) Hội nghị Genève kết thúc, chia hai Việt Nam, và giao cho ông miền Nam.**



Trong thời gian **4 tháng** (?) thật quyết định ấy, ông vẫn ù lì như suốt 4 năm ở Mỹ trước kia. Ông không đích thân hoạt động. Mọi việc giao cho hai ông em, Nhu và Luyện, làm thay. Trong tinh thần chung của gia đình này, họ chỉ liên lạc ngầm, hoạt động trong bóng tối. Nên chỉ tiếp xúc với một số người thật hạn hẹp.

**Không thấy ông tấn công vào dư luận thế giới, vào các cơ quan truyền thông quốc tế, buộc họ phải nói đến ông, đến giải pháp ông đề ra, và sẽ thực hiện. Không thấy công khai nêu lên một đường lối, một chính sách nào. Để cho thế giới, thông qua báo chí, biết đến một giải pháp Ngô Đình Diệm.** Cũng không thấy vận động kêu bào. Để làm sáng tỏ tư cách một lãnh tụ quốc gia có hậu thuẫn, có lập trường, có đường lối, có khả năng, hòng tranh thủ cảm tình kêu bào đang bị Cộng Sản ve vãn. Hình như Việt kiều phải tự mình nhận ra “sứ mệnh cứu nước của Cụ”. Bằng không, họ chỉ là những người thân Cộng, không cần mở mắt cho họ làm gì. Cho nên, quanh quẩn chỉ tập họp một số kêu bào Công giáo, một số ít “học trò cũ của Đức Cha” để chọn sẵn một mớ tay chân về sau.

Ngay chính trong nước cũng thế. **Phong trào “Đoàn Kết” Ngô Đình Nhu dựng lên, quanh quẩn ở Sài Gòn**, tập họp tay chân đã có rồi, với một số thân hữu cũ trong nhóm “Tinh Thần”, hờm sẵn như chờ chia một món gia tài. Còn quần chúng trong nước, ở Đồng Nai, Bến Nghé, Cửu Long hay ở Thăng Long, ở Thuận Hóa, phong trào không thấy “đoàn kết” với ai khác, và cũng không mấy người nghe nói đến.

Hoạt động của ba anh em ông Diệm, ba tháng trước ngày cầm quyền, là cố gắng tìm mọi cách gây tín nhiệm với Bảo Đại, để ông này chịu ký Dự trao quyền chính cho. Kể cả việc tuyên thệ trung thành này nợ với Bảo Đại. Kể cả sai Ngô Đình Luyện đi Cannes biểu Bảo Đại một chiếc ô-tô sang trọng. Trong lúc Pháp cầu Hoa Kỳ, Mỹ muốn là trời muốn. Bảo Đại không muốn cũng không xong.

### **Khi lịch sử chặn đứng kim đồng hồ**

Rồi ngay cả thời gian lên cầm quyền ngày 7 tháng 7, cho đến lúc Hội nghị Genève kết thúc ngày 21-7, ông Diệm nhất thiết không hề đích thân xuất hiện ở hội trường Genève, không muốn tham dự thảo luận, không thấy phải cầm đầu đoàn Việt Nam quốc gia mà gọi đến đó ông Ngoại trưởng Trần Văn Đỗ về phía Việt Nam. Ba mươi ngày cuối cùng của Hội nghị, đủ cho cả thế giới và riêng nước Pháp thấy thế nào là một “homme d’Etat”.

**Trái lại, lịch sử cận đại đã ghi thật đậm nét cho Mendès France. Ông Mendès France đã doa bỏ cuộc, nếu không kết thúc được hội nghị vào đúng 24 giờ ngày 21-7-54. Nhưng một giờ trước khi các lãnh tu thế giới tham dự hội nghị ký tên vào Hiệp định, cho kịp hạn định ông Mendès France đưa ra. Phái đoàn Cambốt đã nhân hạn định ấy mà đưa ra một đòi hỏi mới, bênh vực cho quyền lợi nước mình. Để tránh việc Thủ tướng Pháp bỏ cuộc, Molotov và Eden đồng Chủ tịch Hội nghị, không những vận động các phái đoàn thỏa mãn yêu sách bắt chẹt của Cambốt, mà còn phải kéo lui kim đồng hồ cho dừng đồng với 12 tiếng khuya 21-7, hòng có đủ thì giờ chữa lại bản thảo hiệp định kéo Mendès France rút lui.**

Từ ông Diệm lên cầm quyền đến Hội nghị chấm dứt có hơn 3 tuần lễ. Ông không thấy (hay ông ngại) cơ hội để ông chen vai với các lãnh tụ quốc tế khác. Cơ hội để ông đích thân tham dự đến ngay hội trường mở một cuộc tấn công ngoại giao, bênh vực quyền lợi đất nước, trình bày lập trường quốc gia. Cho mọi người thấy được tầm vóc quốc tế của ông, nếu quả ông có, ngang với Mendès France, một Chu Ân Lai, một Eden, một Molotov, một Foster Dulles. Như Phạm Văn Đồng. Để các cường quốc biết đến ông là một sức mạnh khả tín. Mà ủng hộ miền Nam, nếu họ muốn. Nếu họ thù nghịch, họ biết là sẽ phải đối đầu với một sức mạnh.

Ông không chịu tham dự hội nghị. **Đây là bất hạnh thứ hai của đại cuộc miền Nam.** Vì ở hội nghị, người ta nhìn về phía Việt Nam, **chỉ thấy có Phạm Văn Đồng. Chỉ biết có phe Cộng Sản.** Chỉ biết có Hà Nội. Sài Gòn là một bóng mờ, Ngô Đình Diệm là ai, người ta có nghe nói tên, nhưng không ai nhắc đến, trong đám các lãnh tụ tham dự hội nghị... Vì thế, dư luận các nơi cho rằng miền Nam chỉ là một bóng ma làm cơ để chấm dứt chiến tranh, không thể đứng vững được. Nhiều lắm là hai năm, thời hạn định sẵn để trưng cầu dân ý mà thống nhất về tay Hà Nội.

### **3. Bất hạnh coi thường dân miền Nam, và thành phần kháng chiến dân tộc.**

Ông Diệm lên cầm quyền trong hoàn cảnh đúng như ông tiên tri từ 1948: Ông lãnh đạo miền Nam, mà đất Nam kỳ là trọng tâm. Mỹ ủng hộ ông, hứa viện trợ Sài Gòn, tức phải dính líu với miền Nam.

Nói cách khác, các điều kiện ông tiên liệu, ông muốn có, để tranh thủ với Cộng Sản, nay ông hội đủ. Và con đường ông phải theo có thể phác họa như sau:

1. **Lấy đất Nam kỳ làm gốc** cho chế độ. Như Nguyễn Ánh đã làm hồi thế kỷ XVIII, để tranh thủ với Tây Sơn.
2. **Dùng nhân dân Nam kỳ làm nguyên tố** củng cố, xây dựng miền Nam. Dựa trên quần chúng Nam kỳ làm thế ý dõng, để bảo vệ miền Nam, giữ cho Cộng Sản miền Bắc không huy động được dễ dàng các thành phần nằm vùng mà tuyên truyền và quấy phá. Đồng thời, để phát triển kinh tế, xã hội, với nhân lực, tài lực Nam kỳ.
3. **Vinh danh thành tích kháng chiến yêu nước.** Vạch rõ mưu đồ Cộng Sản lợi dụng nhu cầu giải phóng của đồng bào, để thực hiện cách mạng vô sản. Đề cao anh em kháng chiến quốc gia. Xem chủ quyền miền Nam là thành quả kháng chiến. Đúng theo tinh thần Tuyên ngôn 1951 nói trên. Kết hợp các thành phần kháng chiến, phi kháng chiến vì hiểu thấu mưu đồ Cộng Sản, hoặc vì một lý do khác, để tổ chức quyền chính miền Nam.  
Đó là con đường kết hợp nhân dân, kết hợp kháng chiến vào chính quyền. Để thu hút vào chế độ các thành phần quần chúng nông thôn, đã từng là cơ sở trung kiên, suốt chín năm qua, của tổ chức kháng chiến chống Pháp. Sự kết hợp này có thực sự và chặt chẽ, sẽ đảm bảo cho tương lai miền Nam.

Tất nhiên phải tùy thuộc vào một chính sách thể hiện trung thành những gì ông Diệm đã tiên tri từ 1948, thực hiện lời ông đã hứa trong Tuyên ngôn năm 1951:

- Dùng hai “Vú sữa”: quần chúng Nam kỳ và thành phần kháng chiến quốc gia mà nuôi dưỡng chế độ Sài Gòn. Chính sách ấy, ngoài chuyện mình trung thành với chính mình, còn **là một chọn lựa sáng suốt**, vì nông dân Nam kỳ không chấp nhận, thì chế độ tồn tại với ai và thế nào được. Trừ phi bắt chước Cộng Sản, dùng các biện pháp độc tài và đàn áp. **Sáng suốt vì có nhìn nhận chủ quyền thu hồi ở miền Nam là sự nghiệp kháng chiến quốc gia**, mới không để Hà Nội độc chiếm thành quả ấy về phần Cộng Sản trên cả nước. **Can đảm vì đây là một chọn lựa nguy hiểm.** Nguy cơ tiềm tàng trong một chính sách như vậy thật lớn, đòi hỏi một khả năng lãnh đạo cao, một lòng tự tin lớn. Đòi hỏi một “homme d’Etat”.

Ông Diệm không có đủ khả năng chính trị và tự tin, thành ra chọn lựa mà ông đã tiên liệu và cho là thiết yếu từ 1948, từ 1951, thì nay, lên cầm quyền, ông sợ là không thiết thực. Nên đứng trên đất Nam kỳ để đối đầu với miền Bắc, ông khoét mất ngay hai cái “Vú sữa” của miền Nam!

Hồ Sĩ Khuê